

CÔNG TY CỔ PHẦN VGREEN R&D
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VGREEN R&D

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VGREEN R&D JOINT-STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VGREEN R&D, JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109452999

3. Ngày thành lập: 11/12/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 02 đường Nguyệt Quế 24, Khu đô thị Vinhomes Riverside, Phường Phúc Đồng,
Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0908981111

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
2.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
3.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
4.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Quán rượu, bia, cà phê, giải khát	5630
5.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
6.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
7.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
8.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
9.	Tái chế phế liệu	3830
10.	Xây dựng nhà để ở	4101
11.	Xây dựng nhà không để ở	4102
12.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
13.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
14.	Xây dựng công trình điện	4221
15.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
16.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
17.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
18.	Xây dựng công trình thủy	4291
19.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
20.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
21.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
22.	Phá dỡ	4311

23.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
24.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
25.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
26.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
27.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
28.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
29.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa	4610
30.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác Bán buôn hoa và cây Bán buôn động vật sống Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa) Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	4620
31.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
32.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt Bán buôn thủy sản Bán buôn rau, quả Bán buôn cà phê Bán buôn chè Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột Bán buôn thực phẩm khác	4632
33.	Bán buôn đồ uống	4633
34.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
35.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: Bán buôn vải Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác Bán buôn hàng may mặc Bán buôn giày dép	4641
36.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, tẩy rửa, đuổi côn trùng Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (có nội dung được phép lưu hành) Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
37.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
38.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
39.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

40.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
41.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
42.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
43.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
44.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
45.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
46.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
47.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
48.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
49.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
50.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
51.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
52.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ giày dép trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

53.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh, Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh, Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
54.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh, bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
55.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ xoa bóp Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình)	9610
56.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
57.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát xây dựng Lập quy hoạch xây dựng Thiết kế xây dựng công trình Tư vấn quản lý dự án Thi công xây dựng công trình Giám sát thi công xây dựng Quản lý chi phí đầu tư xây dựng	7110
58.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.	8299
59.	Hoạt động y tế dự phòng	8691
60.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
61.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
62.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa	4669
63.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng các đối tượng khác	8710
64.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc Chi tiết: Hoạt động chăm sóc sức khỏe người già và người tàn tật không có khả năng tự chăm sóc	8730
65.	Đại lý du lịch	7911
66.	Bán mô tô, xe máy	4541
67.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
68.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
69.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112

70.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
71.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
72.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
73.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
74.	Thu gom rác thải độc hại	3812
75.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
76.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211(Chính)
77.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
78.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
79.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
80.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà; Dịch vụ thẩm mỹ Phòng khám chuyên khoa thẩm mỹ; Dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh trong nước và ra nước ngoài Phòng khám chuyên khoa răng - hàm - mặt.	8699
81.	Đào tạo sơ cấp	8531
82.	Đào tạo trung cấp	8532
83.	Trồng cây ăn quả	0121
84.	Trồng cây điều	0123
85.	Trồng cây hồ tiêu	0124
86.	Trồng cây cao su	0125
87.	Trồng cây cà phê	0126
88.	Trồng cây chè	0127
89.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
90.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
91.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
92.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
93.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
94.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
95.	Chăn nuôi gia cầm	0146
96.	Chăn nuôi khác	0149
97.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
98.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
99.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
100.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
101.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164

102.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
103.	Khai thác gỗ	0220
104.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
105.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
106.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
107.	Khai thác thủy sản biển	0311
108.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
109.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
110.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
111.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
112.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
113.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
114.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
115.	Sản xuất đường	1072
116.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
117.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
118.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
119.	Sản xuất chè	1076
120.	Sản xuất cà phê	1077
121.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất súp và nước xuýt; Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt; Sản xuất dấm; Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi; Sản xuất các loại trà được thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); Sản xuất men bia; Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; Sản xuất sữa tách bơ và bơ; Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng; Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ô; Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo; Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến; Sản xuất thực phẩm chức năng.	1079
122.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
123.	Sản xuất rượu vang	1102
124.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
125.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
126.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
127.	Sản xuất giày, dép	1520
128.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
129.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029

130.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm Trồng cây gia vị hàng năm	0119
131.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
132.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
133.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
134.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
135.	Cơ sở lưu trú khác	5590

6. Vốn điều lệ: 30.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VGREEN	A35-BTSL6 ô số 09, KĐT M hai bên đường Lê Trọng Tấn, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.100.000	21.000.000.000	70,000	0108465258	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	2.100.000	21.000.000.000	70,000		

2	HỒ ĐỨC TUẤN	Số 6/15H đường Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	5,000	020671845	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	5,000		
3	TRẦN THANH VIỆT	Số nhà 73 tổ 6 , Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	750.000	7.500.000.000	25,000	0011800233 03	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	750.000	7.500.000.000	25,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN THANH VIỆT

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 31/05/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001180023303

Ngày cấp: 16/04/2019

Nơi cấp: *Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính
trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số nhà 73 tổ 6, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 73 tổ 6, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội